TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B
TỈNH LÀO CAI

Bản án số: 02/2018/ HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 6 năm 2018
"Về việc ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÀO CAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Ngô Đức Quang.
- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Bùi Đức Cường - Cán bộ Ban tổ chức huyện Uỷ B, tỉnh Lào Cai.
2. Bà Dương Thị Lan Anh - Giáo viên PTDTBT Trung học cơ sở xã L, huyện B, tỉnh Lào Cai.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Bích Ngọc – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thanh Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2018/TLST- HNGĐ ngày 12/ 3/2018. Về việc: " Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXX - ST ngày 12 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Hà Thị H – Sinh năm 1989.
Trú tại: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.
2. Bị đơn: Phạm Văn L – Sinh năm 1988.
Trú tại: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Các đương sự có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/3/2018 và tại phiên toà, nguyên đơn chị Hà Thị H trình bày:

Chị và anh L kết hôn với nhau ngày 11 tháng 10 năm 2012, trên cơ sở tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Cuộc sống vợ chồng chỉ thực sự hạnh phúc được khoảng 01năm, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L không tu chí làm ăn hay chơi cờ bạc, không quan tâm đến gia

đình, đã nhiều lần chị H góp ý, khuyên ngăn anh L không tiếp thu, sửa chữa. Ngoài ra anh L còn nghi ngờ chị không chung thủy có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, nên thường xuyên chửi bới, đánh chị, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng trầm trọng và hai người đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2018 đến nay không quan tâm gì đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H đã khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh L.

Về con chung: Chị H và anh L có 01 con chung là Phạm Bảo L sinh ngày 28/01/2015, cháu khoẻ mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu L và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 500.000đ *(năm trăm nghìn đồng)*

Về tài sản: Chị H không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn: Tại phiên toà anh Phạm Văn L trình bày: Về thời gian, hoàn cảnh, điều kiện kết hôn và con chung đúng như cô H đã trình bày, nhưng về mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống tuy có mâu thuẫn, nhưng chưa đến mức trầm trọng, vẫn có khả năng khắc phục được, nên anh L có nguyện vọng vợ chồng trở về đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con và làm ăn phát triển kinh tế gia đình.

Tại phiên toà: Nguyên đơn chị Hà Thị H giữ nguyên yêu cầu ly hôn, nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000đ *(năm trăm nghìn đồng)*.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, các trình tự tố tụng khác trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa hôm nay của thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình tố tụng và tại phiên toà đều tuân thủ các quy định của luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị H.

Về hôn nhân: - Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử cho chị H ly hôn anh L.

Về nuôi con sau khi ly hôn: - Áp dụng các Điều 81,82,83 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Phạm Bảo L sinh ngày 28/01/2015 cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, anh L và chị H đều cư trú tại xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai, nên thuộc thẩm quyền giải quyết và xét xử vụ án của Toà án nhân dân huyện B. Sau khi toà án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho anh L, nhưng anh L từ chối không nhận và sau đó thường xuyên vắng mặt tại địa phương không rõ ngày trở về. Nên toà án đã tiến

hành xác minh, thu thập chứng cứ, niêm yết các văn bản tố tụng và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh L kết hôn với nhau năm 2012 trên cơ sở tự nguyện. Khi kết hôn đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và làm thủ tục đăng ký kết hôn theo đúng quy định. Do vây cuộc hôn nhân giữa anh L và chị H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình tố tụng và tại phiên toà chị H đều khẳng định mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xẩy ra, đã nhiều lần anh L đánh, chửi chị và đến nay chị và anh L đã sống ly thân nhau được hơn 04 tháng, không quan tâm gì đến nhau, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn, nay chi xin được ly hôn anh L. Anh L cho rằng vợ chồng tuy có mâu thuẫn, nhưng chưa đến mức trầm trọng vẫn có khả năng khắc phục được, anh không nhất trí yêu cầu ly hôn của chị H và có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con. Qua xác minh tại địa phương và lời khai của những người làm chứng tại các bút lục số 34, 36, 41, 43, 44, 49… Thấy rằng tình cảm vợ chồng giữa anh L và chị H luôn lạnh nhạt, thiếu sự quan tâm đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được và trên thực tế hai người đã sống ly thân nhau, không quan tâm gì đến nhau, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H xử cho chị H được ly hôn anh L là phù hợp theo quy định tại Điều 56 luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Trong thời gian kết hôn chi H và anh L có 01 con chung, là cháu Phạm Bảo L sinh ngày 28/01/2015. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu L. Xét về điều kiện nuôi con chị H và anh L đều có đủ điều kiện nuôi con, nhưng chị H có việc làm và thu nhập ổn định với mức lương hơn 7.000.000đ/ tháng, anh L làm nghề lái xe thường xuyên xa nhà và hiện nay cháu L con nhỏ đang ở cùng chị H, cần sự chăm sóc của người mẹ hơn. Nên cần giao cháu L cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về việc chị H rút yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung:
Thấy rằng việc rút yêu cầu của chị H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, cần được chấp nhận và đình chỉ giải quyết một phần vụ án về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết, do vậy không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 235; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016

của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí toà án; Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị H:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị H được ly hôn anh Phạm Văn L

2. Về nuôi con sau khi ly hôn: Giao cháu Phạm Bảo L sinh ngày 28/01/2015 cho chị Hà Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Đình chỉ giải quyết một phần vụ án về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị H, yêu cầu anh Phạm Văn L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 500. 000đ (năm trăm nghìn đồng)

4. Về án phí: Chị Hà Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0002290 ngày 12/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai, chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm,

- Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- UBND xã B;
- CCTHA Dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu HS-THS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Đức Quang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vàng Văn Ngân **Nguyễn Kim Phơng** **Ngô Đức Quang**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THA Dân sự;
- Các đơng sự;
- Lu hồ sơ;
- Lu

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Đức Quang

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THA Dân sự;
- Các đơng sự;
- Lu hồ sơ;
- Lu tập án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Đức Quang